

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 3 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Mạc Hoàng Nhũ.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2018; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngô Văn S (S1)**, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TH, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Út B**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TĐ, xã TH, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Ngô Văn S (S1) trình bày: Về hôn nhân, vào năm 2003, ông Ngô Văn S (S1) và bà Trần Thị Út B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do bà Trần Thị Út B có quan hệ tình cảm với người khác nên cả hai phát sinh mâu thuẫn. Xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên ông Ngô Văn S (S1) yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Út B. Về con chung, có 02 người tên là Ngô Quốc C (giới tính nam), sinh ngày 11/12/2004 và Ngô Quốc V (giới tính nam), sinh ngày 05/4/2007. Ông Ngô Văn S (S1) yêu cầu nuôi cả 02 người con chung, không yêu cầu bà Trần Thị Út B cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bà Trần Thị Út B trình bày: Về hôn nhân, bà thống nhất phần trình bày của ông Ngô Văn S (S1) về thời gian chung sống và việc không có đăng ký kết hôn. Giữa bà và ông S chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bà đã thay lòng quen người khác, ông S đã tha thứ nhưng không bao lâu sau bà tiếp tục bỏ đi cho đến ngày ông S nộp đơn khởi kiện. Xét thấy cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, bà đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Ngô Văn S (S1). Về con chung đúng là có 02 người như ông S trình bày, bà đồng ý giao con chung cho ông S tiếp tục nuôi, bà không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Ông Ngô Văn S (S1) yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Út B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Bà Trần Thị Út B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Trần Thị Út B là có căn cứ.

[3]. Xét về hôn nhân, ông S và bà B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Hai người thống nhất xác định quá trình chung sống do bà B có tình cảm với người khác, bà B bỏ nhà đi và ông S đã tha thứ nhưng bà B tiếp tục bỏ đi cho đến ngày ông S nộp đơn khởi kiện. Cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai người thống nhất xác định hiện tại không còn chung sống với nhau mà không thể hòa giải, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Ông S yêu cầu được ly hôn, bà B thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông S. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông S và bà B không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông S và bà B đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Do hôn nhân đã vi phạm quy định về điều kiện kết hôn theo Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên ông Ngô Văn S (S1) và bà Trần Thị Út B không được công nhận là vợ chồng.

[4]. Về con chung, cả hai người thống nhất xác định có 02 người con chung là Ngô Quốc C (giới tính nam), sinh ngày 11/12/2004 và Ngô Quốc V (giới tính nam), sinh ngày 05/4/2007, hiện đang sống cùng với ông S. Qua thỏa thuận, ông S là người tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung, bà B không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của những người con chưa đủ 18 tuổi, thỏa thuận không trái đạo đức xã hội nên có cơ sở để công nhận. Bà B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung, ông S và bà B thống nhất xác định không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, ông S phải nộp theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Ngô Văn S (S1) và bà Trần Thị Út B là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Ngô Văn S (S1) và bà Trần Thị Út B cụ thể như sau: Giao Ngô Quốc C (giới tính nam), sinh ngày 11/12/2004 và Ngô Quốc V (giới tính nam), sinh ngày 05/4/2007 cho ông Ngô Văn S (S1) tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Trần Thị Út B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Út B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Ngô Văn S (S1) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Ngô Văn S (S1) đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006907, ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Ngô Văn S (S1) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Thị Út B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.Phú Tân;
- Phòng KT-NV & THA(Tòa án tỉnh);
- Chi cục THADS H.Phú Tân (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Phước